TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 18-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Bích Hằng

Bà Triệu Thu Lương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Tạ Phương Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2023/TLST-HS, ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2023/HSST-QĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2023/HSST-QĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Lưu Văn T, **(**tên gọi khác: Không); sinh ngày 15 tháng 5 năm 1989. Tại Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn H và con bà Trần Thị T; vợ: Bàng Thị Vân V; con: Có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự chưa được xóa cụ thể: Ngày 27/3/2021, bị cáo bị Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0029495, đến nay bị cáo chưa thi hành khoản tiền này; nhân thân: Bản án số 59/2011/HSST ngày 25/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện P Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/7/2023, tạm giam từ ngày 17/7/2023 đến nay; có mặt.

- Các bị hại:

1. Anh Trần Đăng M, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L, xã A, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Trần Văn Z, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu E, thị trấn Q, huyện F, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hữu E; vắng mặt.

2. Anh Mạc Quốc L; vắng mặt.

3. Chị Lê Thị N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2023 Lưu Văn T đến thành phố Z, tỉnh Thái Nguyên làm thuê, tại đây T làm quen với Kiều Hoàng P sinh năm 1996 trú tại thị trấn của huyện Chợ Đ, tỉnh Bắc Kạn (không rõ địa chỉ cụ thể). Khoảng tháng 5/2023 do vay nợ không có tiền chi trả và tiêu xài, P và T bàn bạc với nhau đi lừa xe khách để lấy tiên tiêu xài bằng hình thức chuẩn bị những thùng hàng, loại thùng xốp, cho đồ không có giá trị (gạch, đá, rơm, cỏ) vào bên trong dùng băng dính màu vàng dán kín lại; sau đó tìm xe khách để gửi hàng, đồng thời yêu cầu nhà xe trả tiền trước. Sau khi xe khách đồng ý sẽ đi tìm những người lái xe ôm để thuê gửi thùng hàng và nhận tiền từ xe khách mang về cho P và T. Để tránh bị phát hiện P sử dụng những số sim rác đóng giả người gửi và người nhận hàng để liên lạc với xe khách. Sau khi bàn bạc xong, khoảng 23 giờ ngày 26/5/2023 P điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Novo màu đen của P (không nhớ biển số xe) chở T đi từ thành phố Z, tỉnh Thái Nguyên đến thành phố S, tỉnh Lạng Sơn rồi ngủ tại ghế đá trong công viên thành phố S. Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 27/5/2023; T và P đi mua thùng xốp, băng dính màu vàng cùng các vật dụng khác để đóng thùng hàng sau đó mang ra bãi đất vắng người rồi lấy gạch, đá, rơm, cỏ cho vào thùng xốp dán băng dính kín lại và viết tên người nhận (Y), số điện thoại (là số sim rác mà P sử dụng) lên thùng xốp.

Sau khi chuẩn bị xong 02 (hai) thùng hàng, P điều khiển xe máy đi tìm xe khách chạy tuyến, còn T mang 01 (một) thùng hàng đến khu vực ngã ba gần cổng Công an thành phố Lạng Sơn đợi thông tin xe khách từ P nhắn về.

Khoảng 15 phút sau P nhắn số điện thoại xe khách cho T, T ra gặp xe ôm là ông Nguyễn Hữu E đưa thùng hàng cùng số điện thoại của xe khách thuê ông E chở thùng hàng ra gửi xe khách của lái xe khách là Trần Văn Z tại khu vực trước cửa hàng xăng dầu Petrolimex-cửa hàng 01 thuộc Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn thuộc địa phận tổ B, khối C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và dặn nhận tiền hàng từ xe khách mang về cho T và lấy tiền công do xe khách trả, ông E đồng ý rồi mang hàng đi gửi tại địa điểm nêu trên và nhận 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) tiền công xe ôm do lái xe khách Trần Văn Z trả, còn tiền hàng thì lái xe khách Trần Văn Z chuyển khoản cho người gửi hàng. Ngay sau đó P gọi lại cho T nói đi tìm cửa hàng tạp hóa để nhờ nhận tiền chuyển khoản từ xe khách. T đi xe ôm lên khu vực đường tàu thuộc xã Đ, thành phố S vào cửa hàng tạp hóa "N", gặp chủ quán Lê Thị N nhờ nhận tiền chuyển khoản hộ. Bà N đồng ý rồi cho T số tài

khoản ngân hàng MB, T nhắn số tài khoản ngân hàng cho P, khoảng 10 phút sau có số tiền là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) chuyển vào tài khoản của chị N. Nhận được số tiền chuyển khoản đó chị N đưa tiền mặt cho T; T nhận 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) và trả 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) tiền công cho chị N. Sau đó T tiếp tục đi xe ôm quay lại bãi đất vắng người lấy 01 thùng hàng còn lại mang ra khu vực rạp chiếu phim Đ - thành phố L để đợi thông tin xe khách từ P. Chờ được khoảng 15 phút thì P nhắn số điện thoại xe khách cho T; T ra gặp xe ôm là anh Mạc Quốc L đưa thùng hàng cùng số điện thoại xe khách thuê anh L chở ra cho xe khách của lái xe Trần Đăng M tại khu vực trước cửa hàng xăng dầu Petrolimex-cửa hàng 01 thuộc Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn thuộc địa phận tổ B, khối C, thị trấn L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và dặn nhận tiền hàng rồi mang lại cho T; và lấy tiền công do xe khách trả, anh L đồng ý rồi mang hàng đi gửi tại địa điểm nêu trên và nhận 2.740.000 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền hàng và tiền công xe ôm do lái xe khách Trần Đăng M trả (trong đó có 40.000 đồng - bốn mươi nghìn đồng tiền công xe ôm); khoảng 15 phút sau xe ôm quay lại đưa cho T số tiền hàng là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). T cầm tiền và liên hệ với P rồi cả hai cùng lái xe quay về thành phố Z, tỉnh Thái Nguyên chia đôi số tiền lừa đảo được mang đi tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền T và P lừa đảo được ngày 27/5/2023 là 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Cùng thủ đoạn trên, ngày 12/6/2023 P và T đã chuẩn bị 02 thùng hàng. Sau đó T chờ ở công viên trong thành phố S còn P lái xe mang 02 (hai) thùng hàng đi gửi, lừa 02 (hai) xe khách chạy tuyến được tổng số tiền là 5.780.000 đồng (năm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Sau đó P quay về đón T, cả hai về thành phố Z, chia đôi tiền trên mang tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 08/7/2023, Lưu Văn T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung các bị hại Trần Đăng M và Trần Văn Z đã trình báo.

*** Đối với các tình tiết, đối tượng liên quan:**

- Đối với Kiều Hoàng P (sinh năm 1996; trú tại thị trấn của huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn), qua lời khai của Lưu Văn T là người cùng thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên qua xác minh tại thị trấn B, huyện Chợ Đ, tỉnh Bắc Kạn và phường T, thành phố Z, tỉnh Thái Nguyên cho thấy không có ai có tên, tuổi như trên sinh sống ở địa bàn. Về số điện thoại 0346.470.XXX P sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín. Tuy nhiên, đến nay chưa có kết quả trả lời của Tập đoàn viễn thông Quân đội (Viettel). Do vậy, chưa xác định được danh tính của Kiều Hoàng P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra quyết định tách hành vi để tiếp tục điều tra xác minh đối với trường hợp này.

- Đối với ông Nguyễn Hữu E và anh Mạc Quốc L là lái xe ôm không quen biết bị cáo và không biết trong thùng hàng có hàng gì, không biết việc bị lợi dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc không có căn cứ để xử lý.

- Đối với chị Lê Thị N là người bán hàng tạp hóa, đã nhận tiền chuyển khoản mà bị cáo nhờ nhận và không biết số tiền bị cáo nhờ nhận chuyển khoản là của ai và từ đâu mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc không có căn cứ để xử lý.

- Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xảy ra ngày 12/6/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra thông báo gửi Đài truyền thanh - truyền hình tỉnh Lạng Sơn thông báo lên phương tiện thông tin đại chúng để tìm bị hại, nhưng chưa có kết quả, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra quyết định tách hành vi để tiếp tục điều tra xác minh và xử lý khi có kết quả.

* Về phần dân sự: Các bị hại anh Trần Văn Z và anh Trần Đăng M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã lừa của các anh.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) thùng xốp được dán bằng băng dính màu vàng bên trong có hai viên gạch và rơm.

Tại bản Cáo trạng số 85/CT-VKS, ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lưu Văn T về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lưu Văn T khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu .

Các bị hại anh Trần Văn Z và anh Trần Đăng M đều vắng mặt, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và những lời khai đó đều phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi T số tiền mà bị cáo đã lừa họ.

Những người làm chứng ông Nguyễn Hữu E, anh Mạc Quốc L, chị Lê Thị N đều vắng mặt. Nhưng lời trình bày của những người làm chứng trên có trong hồ sơ vụ án đều trình bày phù hợp với lời trình bày của các bị hại anh Trần Văn Z và anh Trần Đăng M và lời khai của bị cáo Lưu Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 - xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi T thiệt hại: Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã lừa của các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo Lưu Văn T có được từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 12/6/2023 thì xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có kết quả điều tra, xác minh của cơ quan điều tra.

Đối với số tiền Kiều Hoàng P có được từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại Trần Đăng M, Trần Văn Z và số tiền Kiều Hoàng P có được hành

vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 12/6/2023 thì xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có kết quả điều tra, xác minh của cơ quan điều tra.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) thùng xốp được dán bằng băng dính màu vàng bên trong có hai viên gạch và rơm là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các bị hại anh Trần Văn Z, anh Trần Đăng M và những người làm chứng ông Nguyễn Hữu E, anh Mạc Quốc L, chị Lê Thị N vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của các bị hại và những người làm chứng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét xử vắng mặt các bị hại và những người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 27/5/2023, bị cáo Lưu Văn T đã có hành vi đi mua thùng xốp, băng dính màu vàng cùng các vật dụng khác đóng giả thùng hàng sau đó mang ra bãi đất vắng người rồi lấy gạch, đá, rơm, cỏ cho vào thùng xốp dán băng dính kín lại và viết tên cùng số điện thoại người nhận (là số sim rác) lên thùng xốp. Sau đó bị cáo Lưu Văn T thuê ông Nguyễn Hữu E và Mạc Quốc L (là lái xe ôm) đem thùng hàng ra gửi xe khách tại khu vực trước cửa hàng xăng dầu Petrolimex-cửa hàng 01 thuộc Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn thuộc địa phận tổ B, khối C, thị trấn L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và dặn nhận tiền hàng từ xe khách mang về cho T. Trong ngày 27/5/2023, bị cáo Lưu Văn T đã lừa lấy được tổng số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) của hai lái xe khách là anh Trần Đăng M và Trần Văn Z. Hành vi của bị cáo Lưu Văn T đã đủ yếu tố cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lưu Văn T về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo

khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy bị cáo có đủ khả năng để nhận thức việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Nên bị áp dụng tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và có 01 tiền sự chưa được xóa.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị kết án, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nên bị cáo có nhân thân xấu.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm bồi T thiệt hại: Các bị hại Trần Đăng M, Trần Văn Z không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã lừa của các bị hại. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đối với số tiền bị cáo Lưu Văn T có được từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 12/6/2023 thì xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có kết quả điều tra, xác minh của cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Đối với số tiền Kiều Hoàng P có được từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại Trần Đăng M, Trần Văn Z và số tiền Kiều Hoàng P có được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 12/6/2023 thì xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có kết quả điều tra, xác minh của cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với 01 (một) thùng xốp được dán bằng băng dính màu vàng bên

trong có hai viên gạch và rơm là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng. Tịch thu tiêu hủy.

[14] Đối với Kiều Hoàng P (sinh năm 1996; trú tại thị trấn của huyện Đ, tỉnh Bắc Kạn), qua lời khai của Lưu Văn T là người cùng thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên qua xác minh tại thị trấn B, huyện Chợ Đ, tỉnh Bắc Kạn và phường T, thành phố Z, tỉnh Thái Nguyên cho thấy không có ai có tên, tuổi như trên sinh sống ở địa bàn. Về số điện thoại 0346.470.XXX P sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín. Tuy nhiên, đến nay chưa có kết quả trả lời của Tập đoàn viễn thông Quân đội (Viettel). Do vậy, chưa xác định được danh tính của Kiều Hoàng P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra quyết định tách hành vi để tiếp tục điều tra xác minh đối với trường hợp này. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[15] Đối với ông Nguyễn Hữu E và anh Mạc Quốc L là lái xe ôm không quen biết bị cáo và không biết trong thùng hàng có hàng gì, không biết việc bị lợi dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[16] Đối với chị Lê Thị N là người bán hàng tạp hóa, đã nhận tiền chuyển khoản mà bị cáo nhờ nhận và không biết số tiền bị cáo nhờ nhận chuyển khoản là của ai và từ đâu mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[17] Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xảy ra ngày 12/6/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra thông báo gửi Đài truyền thanh - truyền hình tỉnh Lạng Sơn thông báo lên phương tiện thông tin đại chúng để tìm bị hại. nhưng chưa có kết quả, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã ra quyết định tách hành vi để tiếp tục điều tra xác minh và xử lý khi có kết quả. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[18] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[19] Ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; khoản 1 Điều 293; các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/7/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thùng xốp được dán bằng băng dính màu vàng bên trong có hai viên gạch và rơm.

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Thị Hà